

Bản án số:50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc S

Ông Trần Văn Th

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Anh M, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Tr, xã H, huyện T, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Chị Thân Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi ĐKHK: thôn Tr, xã H, huyện T, tỉnh B;

Nơi cư trú: thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Hoàng Anh M trình bày:

Anh và chị H kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu nhà anh M, cuộc sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc. Anh và chị H kết hôn được 2 tháng, anh đi xuất khẩu lao động ở H. Chị H ở nhà cùng với bố mẹ anh được hơn một năm, chị H nghe tin anh có người phụ nữ khác bên H nên chị H và con trai là Hoàng Mạnh

Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã Ng từ cuối năm 2009 cho đến nay không về nhà anh.

Sau khi về Việt Nam, anh có xuống nhà bố mẹ đẻ chị H nhiều lần để đón và bảo chị H về, vợ chồng chung sống với nhau nhưng chị H cương quyết không về. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không về đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 17/6/2009, hiện cháu Q đang với anh. Vợ chồng ly hôn, anh M xin nuôi con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh M giữ nguyên yêu cầu.

Đối với chị Thân Thị H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án làm việc, hòa giải nên không thu thập được lời khai của chị H.

Tại phiên toà: chị H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Hoàng Anh M được ly hôn chị Thân Thị H, anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Anh M khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H có nơi cư ĐKKH tại thôn Tr, xã H, huyện T; Nơi cư trú tại thôn M, xã Ng, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà, chị H vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh M và chị H kết hôn tháng 9 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2009, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị H nghe tin anh M có người phụ nữ khác ở bên H. Chị H

đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2009, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh M xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H và yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh M và chị H đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại nhiều năm trở lại đây, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh M ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Hoàng Mạnh Q, sinh ngày 17/6/2009, hiện con chung đang ở với anh M. Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh M không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Anh M được ly hôn chị Thân Thị H.

2. Về án phí: Anh Hoàng Anh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005948 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận anh Hoàng Anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị O